

Số: /BC-UBND

Đức Phổ, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Công văn số 1202/SNNMT-PQT ngày 09/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh về tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030; UBND thị xã Đức Phổ báo cáo cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành

a) Đánh giá công tác kiện toàn Ban chỉ đạo: UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021-2025. Thông báo số 03/TB-BCĐ ngày 31/8/2023 về việc phân công trách nhiệm cho các ủy viên Ban chỉ đạo giảm nghèo thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021-2025.

b) Đánh giá tình hình chỉ đạo của Ban chỉ đạo: UBND thị xã đã kịp thời ban hành các văn bản để triển khai tổ chức thực hiện Chương trình:

- Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đức Phổ vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025;

- Các Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Đức Phổ hằng năm: số 2066/KH-UBND ngày 06/9/2022, số 260/KH-UBND ngày 09/02/2023, số 49/KH-UBND ngày 07/3/2024, ngoài ra, UBND thị xã còn ban hành các kế hoạch cụ thể của từng Dự án của Chương trình;

- Các Quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm: số 3141/QĐ-UBND ngày 14/9/2022, số 3474/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, số 1179/QĐ-UBND ngày 29/3/2023, số 2175/QĐ-UBND ngày 11/5/2023, số 2226/QĐ-UBND ngày 12/5/2023, số 758/QĐ-UBND ngày 13/3/2024, số 1156/QĐ-UBND ngày 5/4/2024, số 1732/QĐ-UBND ngày 24/5/2024, số 1911/QĐ-UBND ngày 06/6/2024, số 3187/QĐ-UBND ngày 26/8/2024.

- Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ về việc kiện toàn Tổ thẩm định hồ sơ Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thị xã Đức Phổ; các Quyết định phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn thị xã Đức Phổ.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND thị xã chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Văn hóa - Khoa học và Thông tin và các cơ quan, đơn vị ban hành một số văn bản đề triển khai thực hiện Chương trình thuộc thẩm quyền, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

c) *Đánh giá mức độ đầy đủ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình:* Căn cứ Chương trình của Trung ương, tỉnh, UBND thị xã Đức Phổ ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, ban, ngành chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án. Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Chương trình và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, các đơn vị chủ trì dự án, tiểu dự án xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo theo quy định. Từ đó, các dự án, tiểu dự án được triển khai kịp thời, đầy đủ đến địa phương, cơ sở, cộng đồng và đối tượng tham gia hưởng lợi từ dự án.

2. Công tác quản lý thực hiện Chương trình

a) *Đánh giá công tác phối hợp trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình:* Được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cũng như sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thị xã đồng bộ và bước đầu đã mang lại hiệu quả; UBND thị xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện tốt công tác phối hợp từ công tác lấy ý kiến, lập kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các chương trình đều đảm bảo đúng theo quy định.

b) *Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá:*

- Công tác theo dõi chỉ đạo điều hành được cụ thể trong các quy định hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp, từ đó mỗi thành viên trong Ban Chỉ đạo đều thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao. Trong đó, có sự phân công, phân nhiệm theo dõi địa bàn, theo dõi tiến độ triển khai của các địa phương, đơn vị. Hằng tháng, quý. Ban Chỉ đạo các cấp tổ chức cuộc họp để đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, khó khăn để kịp thời tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

- Thực hiện Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*Thông tư số 10*), UBND thị xã thành lập đoàn giám sát định kỳ theo quy định. Đối với các đơn vị là chủ trì dự án, tiểu dự án ngoài việc tham gia giám sát cùng với đoàn công tác giám sát cấp huyện thì cũng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giám

sát đối với lĩnh vực được phân công chủ trì dự án, tiểu dự án. Từ đó, kịp thời phát hiện, xử lý những tồn tại, hạn chế để khắc phục.

- Để các dự án, công trình được tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, sát với điều kiện thực tế và đảm bảo theo quy định hiện hành, UBNDTTQVN cấp xã thành lập Ban giám sát cộng đồng và hướng dẫn để tổ chức thực hiện giám sát các công trình, dự án đang được thực hiện theo Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, nghiệm thu kết quả thực hiện và sử dụng kết quả thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025:

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 17.258,5 triệu đồng (năm 2022: 2.538,35 triệu đồng; năm 2023: 6.519 triệu đồng, năm 2024: 8.201,15 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 7.709,219 triệu đồng (năm 2022: 1.785,649 triệu đồng; năm 2023: 3.852,911 triệu đồng, năm 2024: 2.070,66 triệu đồng).

- Tổng kinh phí còn lại đề nghị thu hồi và chuyển sang năm 2025: 9.549,281 triệu đồng (năm 2022: 752,701 triệu đồng; năm 2023: 2.665,090 triệu đồng, năm 2024: 6.131.490 triệu đồng).

2. Kết quả thực hiện các tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình

2.2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tổng kinh phí phân bổ trong giai đoạn: 6.262,75 triệu đồng, đã giải ngân: 4.175,056 triệu đồng, đạt 66,67% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 2.088,023 triệu đồng (*trong đó: Trung ương: 1.800,950 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 196,783 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 90,290 triệu đồng*).

- Về nội dung thực hiện: Số dự án phát triển sản xuất được hỗ trợ (phân loại mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất: Số mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất được hỗ trợ 14 mô hình (trong đó: số mô hình nông nghiệp: 14 mô hình (chăn nuôi bò cái lai sinh sản); số dự án được phê duyệt 14 dự án; số người tượng hưởng lợi 275 người (trong đó: người thuộc hộ nghèo 81 người; người thuộc hộ cận nghèo 177 người; người thuộc hộ mới thoát nghèo 10 người; người khuyết tật không có sinh kế 7 người) (trong đó có 132 phụ nữ), có gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phần lớn các mô hình đều mang hiệu quả cho các hộ tham gia dự án tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống được cải thiện, giải quyết việc làm.

2.3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Tổng kinh phí phân bổ: 2.675,700 triệu đồng, đã giải ngân: 1.273,847 triệu

đồng, đạt 47,61% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 1.401,853 triệu đồng (*trong đó: Trung ương: 1.219,047 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 121,505 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 61,301 triệu đồng*).

- *Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025*: Số dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: 04 dự án (03 dự án chăn nuôi bò cái lai sinh sản và 01 dự án hỗ trợ ngư lưới cụ), số người tượng hưởng lợi 42 người (*trong đó: người thuộc hộ nghèo 23 người; người thuộc hộ cận nghèo 34 người; người thuộc hộ mới thoát nghèo 04 người*) được gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phần lớn các mô hình đều mang hiệu quả cho các hộ tham gia dự án hầu như đều tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống được cải thiện, giải quyết việc làm.

b) Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

- Tổng kinh phí phân bổ: 507,700 triệu đồng, đã giải ngân: 233,774 triệu đồng, đạt 46,05% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 273,926 triệu đồng (*trong đó: Trung ương: 238,718 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 23,672 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 11,536 triệu đồng*).

- *Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025*: Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em từ 0-15 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo là 532 trẻ (*trong đó trẻ dưới năm tuổi là: 71 trẻ và từ 5-dưới 16 tuổi: 461 trẻ*)

2.4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Tổng kinh phí phân bổ: 3.189,700 triệu đồng, đã giải ngân: 545,379 triệu đồng, đạt 17,07% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 2.644,322 triệu đồng (*trong đó: Trung ương: 2.289,162 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 236,976 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 118,184 triệu đồng*).

- *Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025*: Truyền thông, tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm: Tổ chức tọa đàm tư vấn, hướng nghiệp cho 1.349 em học sinh trường THCS (khối lớp 9) và các trường THPT trên địa bàn thị xã; tổ chức mở 10 chuyên mục về truyền thông, hướng nghiệp; in 10.000 tờ rơi cấp phát cho các em học sinh khối 9, cấp 3 và người lao động trên địa bàn thị xã Đức Phổ; Tổ chức gắn phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp cho 60 học sinh Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

c) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

- Tổng kinh phí phân bổ: 2.174,800 triệu đồng, đã giải ngân: 753,801 triệu đồng, đạt 34,66% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển

sang năm 2025 thực hiện: 1.420,999 triệu đồng (*trong đó: Trung ương: 1.230,901 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 126,532 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 63,566 triệu đồng*).

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025: Tổ chức 01 ngày hội việc làm, trong đó có 12 công ty, doanh nghiệp tham gia và số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm cho 150 lao động là Thanh niên và người lao động trên địa bàn phường Phổ Thạnh; Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư: Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin trên hệ thống phần mềm quản lý lao động là 48.668 lao động.

2.5. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

- Tổng kinh phí phân bổ: 498,550 triệu đồng, đã giải ngân: 274,149 triệu đồng, đạt 54,99% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 224,401 triệu đồng (*trong đó: Trung ương: 195,523 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 19,252 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 9,626 triệu đồng*).

- *Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025:* Tập huấn cho số cán bộ thông tin và truyền thông được nâng cao năng lực: 400 cán bộ; Xây dựng 50 chuyên mục phát thanh trên Đài phát thanh thị xã và hệ thống đài truyền thanh cơ sở; xây dựng 06 phóng sự về chương trình giảm nghèo tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, những kinh nghiệm hay gương điển hình trong công tác giảm nghèo bền vững, vươn lên làm giàu trên địa bàn thị xã. Xuất bản, phát hành báo in và cập nhật trên báo điện tử về chương trình giảm nghèo, trong đó sản xuất báo in 10 kỳ và phát hành 3390 báo in.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Tổng kinh phí phân bổ: 297,350 triệu đồng, đã giải ngân: 44,217 triệu đồng, đạt 14,87% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 253,133 triệu đồng (*trong đó: Trung ương: 217,203 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 23,720 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 12,210 triệu đồng*).

- *Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025:* Xây dựng 12 chuyên mục phát thanh trên Đài phát thanh thị xã về truyền thông giảm nghèo đa chiều; xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo (tờ rơi) định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Số lượng 10.000 tờ cấp cho 15 xã, phường; Tổ chức đối thoại chính sách (số cuộc đối thoại 09 số cuộc cấp xã, tổng số đối tượng hưởng lợi tham gia đối thoại 380 người; Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Đức Phổ chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

2.6. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tổng kinh phí phân bổ: 1.058,000 triệu đồng, đã giải ngân: 292,593 triệu đồng, đạt 27,66% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 765,407 triệu đồng (trong đó: Trung ương: 654,217 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 74,128 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 37,062 triệu đồng).

- *Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025:* Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các xã, phường: Số lớp tập huấn 3 lớp và số lượt 712 cán bộ được tập huấn; Tổ chức 02 lượt tham quan, học tập kinh nghiệm với số người tham gia 39 người (trong đó đợt 1 có 24 người tham gia tại địa bàn Đà Nẵng và Quảng Nam gồm: cấp thị xã: 09 người, cấp xã: 15 người, số lượt cán bộ nữ: 11 người và đợt 02, 15 người tham gia tại tỉnh Lâm Đồng gồm: 08 người thuộc các cơ quan thị xã và 07 người cấp xã); Đồng thời xây dựng 03 Pano tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Tổng kinh phí phân bổ: 593,950 triệu đồng, đã giải ngân: 116,733 triệu đồng, đạt 19,65% kế hoạch. Kinh phí còn thừa đề nghị điều chỉnh kéo dài chuyển sang năm 2025 thực hiện: 477,217 triệu đồng (trong đó: Trung ương: 408,445 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 45,881 triệu đồng, ngân sách thị xã đối ứng: 22,891 triệu đồng).

- *Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025:* Hằng năm tổ chức 02 đợt giám sát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo năm 2024 tại 15 xã, phường. Nội dung giám sát về công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và công tác rà soát nghèo hằng năm.

III. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh chung về thiết kế Chương trình

- Đa số các mục tiêu phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản chưa đi đôi và bao phủ với các dự án, tiểu dự án của Chương trình như: nhà ở, nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh, tiếp cận thông tin...

- Số lượng dự án, tiểu dự án phù hợp. Tuy nhiên, về thực hiện Dự án 2 với Tiểu dự án 1, Dự án 3 có cùng chung một cơ chế, cách thức thực hiện nên có sự trùng lặp về hoạt động.

- Phù hợp và cụ thể với từng đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác thuộc Chương trình. Tuy nhiên, việc hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã nội dung hỗ trợ trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất chưa thể hiện rõ ràng trong một số nội dung như: Máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất.. Do đó, cần cụ thể nội dung hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong hoạt động phát triển sản xuất.

- Đối tượng thụ hưởng của Chương trình tương đối rõ ràng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...). Tuy nhiên, đối tượng khác trong hoạt động phát triển sản xuất của Chương trình chưa nêu cụ thể có được hỗ trợ, thụ hưởng từ dự án, tiểu dự án hay không nên còn mang tính chung chung dẫn đến khó thực hiện.

- Văn bản pháp lý rất nhiều, nên tốn rất nhiều thời gian triển khai thực hiện, làm chậm tiến độ; trung ương cần quy định cụ thể rõ ràng nội dung thực hiện, quy trình, cách thức tổ chức triển khai dự án, tiểu dự án từ đối tượng, cộng đồng, cơ sở đến các cấp chính quyền, địa phương; địa phương chỉ căn cứ thực hiện hoặc chỉ quy định thêm để chỉ đạo, điều hành nếu cần thiết.

2. Công tác kiểm tra giám sát và truyền thông

- Công tác tổng hợp báo cáo tốn rất nhiều thời gian do hệ thống biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Do đó, cần có hệ thống phân mềm, cơ sở dữ liệu tự đánh giá và quy định cụ thể công tác cập nhật thông tin đối với các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện dự án, tiểu dự án hằng tuần, tháng trong năm làm cơ sở để cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

- Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện chức năng giám sát thường xuyên tổ chức các đoàn giám sát đến địa phương để giám sát công tác giảm nghèo. Qua đó, đã kịp thời phát hiện những tồn tại, thiếu sót và chấn chỉnh trong quá trình thực hiện chính sách, dự án giảm nghèo ở địa phương, cơ sở.

- Trong những năm qua công tác tuyên truyền, thông tin luôn được quan tâm tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể: Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII (Chỉ thị 05) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 (Nghị quyết số 160), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 07/01/2022 để triển khai thực hiện. Đồng thời, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy quán triệt và tuyên truyền nội dung Chỉ thị 05, Nghị quyết 160 đến cán bộ, đảng viên. Từ đó, công tác tuyên truyền về giảm nghèo đã được các cấp, các ngành tổ chức triển khai tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong công tác giảm nghèo trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức Hội nghị tuyên truyền thúc đẩy phong trào thi đua “Đức Phổ chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau” khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” phấn đấu “vì một Việt Nam không còn nghèo đói”; tổ chức Hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; nói chuyện tuyên truyền nâng cao nhận thức thoát nghèo; tuyên truyền thông qua các cuộc họp thôn, tổ dân phố; công tác giảm nghèo cũng được tổ chức tuyên truyền qua các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo các cấp với nhân dân, giữa đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp với cử tri. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền cũng được thông qua hình thức tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, công tác tập huấn cho đối tượng tham gia dự án phát triển

sản xuất. Từ đó, các dự án chính sách giảm nghèo đã đi vào thực tiễn, nhận thức của người dân đã dần thay đổi, nhất là người dân đã dần thấy được trách nhiệm của mình đối với công tác giảm nghèo đó là tích cực sản xuất để tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Đánh giá kết quả huy động

Việc huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình hằng năm và giai đoạn đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đề ra. Đối với việc phân bổ vốn thực hiện theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo từng dự án, tiểu dự án nên tạo sự công bằng, minh mạch trong quá trình thực hiện, tuy nhiên chưa có sự linh động trong điều chỉnh nguồn vốn giữa các dự án, tiểu dự án theo nhu cầu thực tế.

4. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình

- Tỷ lệ hộ nghèo đầu kỳ trên địa bàn thị xã có 4,2 %, đến cuối năm 2024 giảm xuống còn 2,2%, giảm 2% bình quân mỗi năm giảm 0,5%/năm.

- Hỗ trợ xây dựng, phê duyệt 17 mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo, đạt 100% so với kế hoạch đến năm 2025.

- Kết quả thực hiện mục tiêu nhiệm vụ phù hợp với kết quả thực hiện Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 95%, đạt so với kế hoạch đề ra.

- Về nước sinh hoạt và vệ sinh: đến năm 2025 có 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tỷ lệ 100% so với kế hoạch năm 2025; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ 100% so với đến hoạch đến năm 2025.

- Về thông tin: 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet, đạt so với kế hoạch đến năm 2025.

- Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản chưa phù hợp của kết quả thực hiện Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ chỉ tiêu, nhiệm vụ lao động qua đào tạo). Bởi vì, các chính sách dự án, giảm nghèo chưa được bao phủ, chưa tác động trực tiếp đến tất cả các đối tượng, các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi

Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã đã thực hiện đảm bảo các nguyên tắc của Chương trình về: đối tượng ưu tiên, các hoạt động của dự án đảm bảo tính công khai, dân chủ đã phát huy tính chủ động, sự tham gia của người dân, thông qua các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; đối tượng hỗ trợ được ưu tiên hỗ trợ là hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm: Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền sự phối hợp của Mặt trận, đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của người nghèo, các dự án của Chương trình đã lồng ghép cùng với các Chương trình chính sách phát triển kinh tế - xã hội, từ đó chỉ tiêu giảm nghèo đạt và vượt kế hoạch đề ra. Nhất là mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vượt mục tỉnh giao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Các văn bản pháp lý đến những tháng cuối năm 2023 mới được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nên việc triển khai các dự án, tiểu dự án còn chậm so với kế hoạch đề ra. Cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, cấp huyện điều kiêm nhiệm, thiếu ổn định, thường xuyên thay đổi, luân chuyển nên gây không ít khó khăn trong công tác tham mưu triển khai thực hiện Chương trình.

- Việc huy động lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người có thu nhập thấp tham gia học nghề gặp nhiều khó khăn (bản thân người lao động không muốn tham gia học nghề) nên không thể triển khai đặt hàng đào tạo nghề cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nghề, khó khăn trong giải ngân nguồn kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 4. Đồng thời công tác vận động người lao động đi làm việc ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn. Bởi vì, người lao động không muốn đi làm việc xa nhà; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động chưa phối hợp trong cung cấp chứng từ thanh toán để hỗ trợ cho lao động hoàn thiện hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ, đảm bảo quyền và lợi ích và giảm chi phí cho người lao động.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 và được rà soát theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021, Theo đó, là hộ nghèo, hộ cận nghèo do thiếu hụt các chỉ số trong các dịch vụ xã hội cơ bản. Tuy nhiên, hiện nay chưa có đầy đủ các chính sách giảm nghèo để tác động đến tất cả các chiều thiếu hụt (nhà ở, thông tin, nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh) và nhiều chỉ số không thể tác động và tác động mang tính lâu dài (y tế, giáo dục, người phụ thuộc, dinh

duỡng..). Do đó, công tác giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp nhiều khó khăn.

- Việc thực hiện giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (không có khả năng lao động, không có đất sản xuất) gặp nhiều khó khăn; các chính sách hiện nay của Chương trình khó tác động để thoát nghèo bền vững.

3. Bài học kinh nghiệm

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng làm chuyển biến nhận thức của người nghèo, không ỷ lại trông chờ vào Nhà nước, có ý thức tự lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

- Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về hoạt động của Chương trình giảm nghèo từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai giám sát và đánh giá kết quả.

- Công tác chỉ đạo được quan tâm, có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương gắn với việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu và theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện trên cơ sở lộ trình, kế hoạch đã được xây dựng.

- Cơ chế lồng ghép giữa các dự án được trung ương quy định rõ ràng, cụ thể nhất là quy định hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán đối với các dự án được lồng ghép giữa các chương trình.

- Thiết lập cơ chế phân bổ ngân sách công bằng, minh bạch và có tính khuyến khích cao, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc huy động nguồn lực tại chỗ cũng như lồng ghép với các nguồn lực khác, không hỗ trợ cho đối tượng mang tính cào bằng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không thất thoát; kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí của chương trình không đúng mục đích, không có hiệu quả.

- Chỉ thực hiện hỗ trợ cho người dân trong hoạt động phát triển sản xuất khi người dân thực hiện đảm bảo các điều kiện theo quy định (đổi ứng kinh phí, có tư liệu sản xuất, mô hình, có liên kết tiêu thụ sản phẩm...); nhân rộng các mô hình, dự án phát triển sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tồn tại để tháo gỡ, xử lý những trường hợp sai phạm; tổ chức hội nghị sơ kết; 5 năm tổ chức hội nghị tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo; kịp thời khen thưởng để động viên những nhân tố tích cực, góp phần tổ chức thực hiện chương trình tốt hơn cho những năm tiếp theo.

* Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

- Công tác giao nhiệm vụ cho cơ quan chủ trì, dự án, tiểu dự án cần phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn trong công tác quản lý nhà nước sẽ tổ chức thực hiện thuận lợi các hoạt động của dự án, tiểu dự án.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ cần xác định rõ nội dung, số lượng đối tượng, khi phân bổ kinh phí, ban hành kế hoạch thực hiện.

V. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Bộ ngành cấp trên: Sửa đổi, bổ sung Phiếu B1, B2 và hướng dẫn Phiếu A, B kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*nay thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) theo hướng việc xác định thiếu hụt thẻ bảo hiểm y tế dựa trên cơ sở thành viên hộ gia đình có hay không có thẻ bảo hiểm y tế tại thời điểm rà soát, kể cả đối tượng do ngân sách nhà nước đóng (vẫn được tính là có thẻ bảo hiểm y tế, không thiếu hụt).

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Đến cuối năm 2030 giảm 80% số hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động. Trong đó cần đảm bảo đánh giá thực chất, sát các chỉ tiêu theo các chỉ số thiếu hụt: Việc làm, tiếp cận thông tin, nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, nhà ở...

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Có các Dự án riêng từ Trung ương đến địa phương trong thực hiện tạo việc làm tại chỗ; tạo việc làm thông qua các doanh nghiệp, khu công nghiệp; tạo việc làm thông qua đi làm việc ở nước ngoài cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (*ưu tiên*), theo nhiệm vụ, theo cộng đồng đề xuất (*với nội dung hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng tham gia trong dự án: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác*).

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Pa nô, áp phích, tờ rơi, báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, đối thoại, sân khấu hóa, hội nghị, họp lồng ghép tại thôn, tổ dân phố và trực tiếp đến các hộ gia đình (*quan tâm đến mức hỗ trợ cho người trực tiếp tuyên truyền, các cuộc họp tại thôn, tổ dân phố*)....

- Đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh cấp xã.
- Hỗ trợ tập huấn, học tập kinh nghiệm; kiểm tra, giám sát, báo cáo.

- Về cơ chế quản lý thực hiện: Việc ban hành chuẩn nghèo giai đoạn mới theo hướng "*các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đi đôi với các chính sách giảm nghèo tác động được để giải quyết các chỉ số thiếu hụt*". Đề nghị tách đối tượng hộ nghèo, cận nghèo không có khả năng lao động, thuộc đối tượng bảo trợ xã hội ra khỏi Chương trình. Ban hành các chính sách, dự án cần bám sát vào các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương về cơ sở hạ tầng thiếu yếu phục vụ dân sinh. Đề

ngập nghiên cứu có cơ chế chung để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay, tránh trùng lặp về nội dung của 03 Chương trình.

Theo dõi, giám sát, đánh giá các chương trình: xây dựng cơ sở dữ liệu (*phần mềm*) báo cáo trực tuyến đến cấp xã, đơn vị trực tiếp thực hiện Chương trình. Đồng thời, thiết kế ít biểu mẫu, ít trường dữ liệu (*hạn chế những trường số liệu không liên quan đến chính sách của chương trình*) báo cáo.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giai đoạn 2026-2030; kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở NN và MT;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Các phòng: NNMT, Nội vụ;
- Văn phòng HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT, PNNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thanh Hùng